

NGHỊ QUYẾT
Về điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024
nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 28

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 176/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn
ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn
vốn ngân sách địa phương như sau:

- Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các chương trình, nhiệm vụ,
dự án từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung là 13,3 tỷ đồng.
- Bố trí vốn quyết toán cho 07 dự án từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập
trung là 7,571 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các Phụ lục tổng hợp, Phụ lục 1, Phụ lục 2
kèm theo Nghị quyết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân
tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện
Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

- Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII

Kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 08 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

2. Các nội dung khác của Nghị quyết: Số 84/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023, số 32/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2024, số 49/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách địa phương không điều chỉnh tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS(02).đta

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



**Phụ lục Tổng hợp
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**

Nguồn vốn ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 52/Ng-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Giảm	Tăng		
	TỔNG CỘNG	4.941.015	-13.300,0	13.300,0	4.941.015	
I	Nguồn XDCB tập trung của tỉnh (bao gồm nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước)	2.202.415	-13.300,0	13.300,0	2.202.415	
1	Phân cấp các địa phương	440.483			440.483	
2	Hoàn trả tạm ứng, ứng trước và trả nợ gốc	12.388			12.388	
3	Bổ trí vốn quyết toán dự án hoàn thành	51.723	-7.800		43.923	
4	Đối ứng ODA (bao gồm các dự án mới phát sinh)	8.510	-1.300		7.210	
5	Chuẩn bị đầu tư	1.700			1.700	
6	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác	293.100			293.100	
	<i>Trong đó:</i>	-			-	
-	Đối ứng Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bổ trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	248.400			248.400	
-	Đối ứng Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	14.543			14.543	
-	Đối ứng Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	30.157			30.157	
7	Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW	530.300		12.000	542.300	
-	Đối ứng kế hoạch trung hạn NSTW của tỉnh	461.900		12.000,0	473.900	
-	Đối ứng vốn của Bộ Ngành trung ương	57.500			57.500	
-	Đối ứng Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH	10.900			10.900	
8	Bổ trí chuyển tiếp các dự án đang đầu tư	599.811	-2.800	1.300	598.311	
-	Bổ trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang	58.571			58.571	
-	Bổ trí chuyển tiếp các dự án khởi công từ năm 2021-2023 sang	541.240	-2.800	1.300	539.740	
9	Các dự án khởi công mới năm 2024	234.400	-1.400		233.000	
10	Bổ trí cho các dự án từ nguồn thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước	30.000			30.000	
-	Bổ trí dự án đối ứng kế hoạch trung hạn NSTW của tỉnh	12.100			12.100	
-	Bổ trí dự án chuyển tiếp	17.900			17.900	
II	Xổ số kiến thiết	112.000			112.000	
1	Bổ trí Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (bao gồm bổ trí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; Cấp nước sạch nông thôn; Giao thông nông thôn)	30.000			30.000	
2	Bổ trí các dự án khởi công năm 2021, 2022, 2023 chuyển tiếp sang năm 2024	69.600			69.600	
3	Bổ trí khởi công mới năm 2024	12.400			12.400	
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất	2.496.000			2.496.000	
1	Giao các địa phương thu chi	530.000			530.000	
2	Bổ trí thực hiện nhiệm vụ, dự án tỉnh quản lý	1.966.000			1.966.000	
2.1	Bổ trí chuyển tiếp các dự án từ giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang	141.160			141.160	
2.2	Bổ trí chuyển tiếp các dự án khởi công năm 2021-2023	613.200			613.200	
2.3	Bổ trí dự án đối ứng kế hoạch trung hạn NSTW của tỉnh	-			-	
2.4	Bổ trí khởi công mới năm 2024	104.500			104.500	
2.5	Kế hoạch không phân bổ được do không có nguồn thu	1.107.140			1.107.140	
IV	Nguồn bồi chi ngân sách địa phương	130.600			130.600	

Ghi chú:

- Điều chỉnh, cập nhật kế hoạch vốn giữa các nhiệm vụ tại Phụ lục tổng hợp nguồn vốn phù hợp với điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án tại Phụ lục 1.
- Nếu bao gồm chi đầu tư phát triển khác từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Trích 5% kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCN quyền sử dụng đất theo quy định) là 104.000 triệu đồng thì tổng kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2024 được HĐND tỉnh giao là 5.045,015 tỷ đồng





Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

Nguồn vốn ngân sách địa phương (nguồn xây dựng cơ bản tập trung)

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025				Đã giao vốn NSDP trong 03 năm 2021-2023	Kế hoạch năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch năm 20224 sau điều chỉnh			Ghi chú
				Số ngày quyết định	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD			XDCB tập trung	Thu SDD	Giảm			Tăng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	22	23
	Tổng cộng				513.865	160.971	-	334.955	327.955	2.000	5.000	171.240	100.978	95.978	5.000	-13.300	13.300	100.978	95.978	5.000	
I	Dự án đối ứng NSTW				287.000	25.098	-	23.500	23.500	-	-	11.500	-	-	-	-	12.000	12.000	12.000	-	
1	Trung tâm y tế quân dân y kết hợp huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	2019-2023	1282/QĐ-UBND, 24/8/2023	287.000	25.098		23.500	23.500			11.500	-	-			12.000	12.000	12.000		
II	Dự án đối ứng ODA				100.579	9.587	-	5.255	5.255	-	-	500	1.755	1.755	-	-1.300	-	455	455	-	
2	Dự án Làng Hòa bình Việt Nam – Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Quảng Ngãi	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2026	1794/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	100.579	9.587		5.255	5.255			500	1.755	1.755		-1.300		455	455		
III	Dự án khởi công từ năm 2021-2023, chuyển tiếp sang năm 2024				108.291	108.291	-	91.000	84.000	2.000	5.000	54.700	32.300	27.300	5.000	-2.800	1.300	30.800	25.800	5.000	
3	Lên đường giảm tốc tại nút giao thông Quốc lộ 1A KCN Tịnh Phong	BQL KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	2023-2025	171/QĐ-BQL ngày 7/6/2023	5.000	5.000		4.000	4.000			2.000	2.000	2.000		-200		1.800	1.800		
4	Nâng cấp, cải tạo và đầu tư hoàn thiện các khu dân cư trên địa bàn KKT Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	2023-2025	228/QĐ-BQL ngày 30/6/2023	29.300	29.300		27.000	22.000		5.000	15.000	12.000	7.000	5.000	-1.500		10.500	5.500	5.000	
5	Trụ sở làm việc Thanh tra Sở Giao thông vận tải	BQL dự án ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	2023-2025	1541/QĐ-UBND, 08/11/2022	29.039	29.039		20.000	18.000	2.000		6.000	10.000	10.000			1.300	11.300	11.300		
6	Dự án chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	2021-2024	QĐ 259/QĐ-UBND ngày 03/3/2022	44.952	44.952		40.000	40.000			31.700	8.300	8.300		-1.100		7.200	7.200		
IV	Dự án khởi công mới năm 2024				17.995	17.995	-	15.200	15.200	-	-	-	15.200	15.200	-	-1.400	-	13.800	13.800	-	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đầu mối giao kế hoạch	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn NSDP đã giao đến KH 2020	Kế hoạch trung hạn NSDP 2021 - 2025				Đã giao vốn NSDP trong 03 năm 2021- 2023	Kế hoạch năm 2024			Điều chỉnh kế hoạch vốn		Kế hoạch năm 20224 sau điều chỉnh			Ghi chú
				Số ngày quyết định	Trong đó			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung		Tổng số	Trong đó:		
					Tổng cộng	NSDP (ngân sách tỉnh)			XDCB tập trung	Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu NN	Thu SDD			XDCB tập trung	Thu SDD	Giảm	Tăng		XDCB tập trung	Thu SDD	
7	Đường nối Quốc lộ 1A đến Hoàng Sa - Dốc Sỏi (giai đoạn 1)	BQL KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	2024-2026	509/QĐ-BQL ngày 04/12/2023	14.995	14.995		12.500	12.500				12.500	12.500		-700		11.800	11.800		
8	Hệ thống quan trắc tự động tại Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Quảng Phú	BQL KKT Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi	2023-2025	512/QĐ-BQL ngày 04/12/2023	3.000	3.000		2.700	2.700				2.700	2.700		-700		2.000	2.000		
V	Bố trí vốn quyết toán dự án hoàn thành							200.000	200.000			104.540	51.723	51.723		-7.800,0		43.923,0	43.923,0	-	Chi tiết theo PL 2



Phụ lục 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
Danh mục dự án bố trí vốn quyết toán dự án hoàn thành
Nguồn vốn: Xây dựng cơ bản tập trung

(Kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên công trình	Đầu mối giao kế hoạch	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư	Quyết toán				Lũy kế vốn đã giải ngân	Số phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
					Số Quyết định	Giá trị quyết toán	Trong đó:					
							Vốn Trung ương	Ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14
TỔNG CỘNG											43.922,600	
I	Bố trí vốn quyết toán đợt này			545.295,694		514.767,739	249.907,780	262.478,373	501.068,462	913,411	7.571,412	
1	Trường THCS - THPT Phạm Kiệt - Nhà tập đa năng, nhà bộ môn và các hạng mục phụ trợ	BQL Dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	2022 - 2024	14.500		13.687,460		13.687,460	13.512,757	8,870	183,573	BC thẩm tra số 162/BC-STC ngày 29/9/2024 của Sở Tài chính
2	Đường vào vùng lõi Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi	UBND huyện Mộ Đức	2021- 2023	20.000	2436/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của UBND huyện Mộ Đức	16.338,774		16.338,774	15.829,526		509,248	
3	Khắc phục các tuyến đường giao thông Trà Phong đi Trà Thanh, Trà Phong đi Trà Xanh, huyện Trà Bồng	UBND huyện Trà Bồng	2021- 2023	50.000	3453/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện Trà Bồng	46.864,021		46.864,021	45.000,000	189,671	2.053,692	
4	Kè từ cầu Sông Rin đến Trường phổ thông DTNT THCS Sơn Hà	UBND huyện Sơn Hà	2021- 2023	30.000	1928/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của UBND huyện Sơn Hà	29.098,027		29.098,027	26.999,991	62,183	2.160,219	
5	Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	2018- 2023	79.992		75.511,993		75.511,993	74.400,000		1.111,993	BC thẩm tra số 159/BC-STC ngày 23/9/2024 của Sở Tài chính
6	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đức Phú, huyện Mộ Đức	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Quảng Ngãi	2022- 2024	13.000	176/QĐ-UBND ngày 16/10/2024 của Sở Tài chính	12.381,586		10.000,000	9.100,000		900,000	
7	Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Ngãi	2011- 2018	337.804	730/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh	320.886	249.907,780	70.978,098	316.226,188	652,687	652,687	
II	Đã phân bổ lần 1										16.649,998	Tại Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 31/7/2024
III	Đã phân bổ lần 2										3.561,702	Tại Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 07/10/2024
IV	Kế hoạch vốn còn lại										16.139,488	Hết nhu cầu sử dụng trong năm

